TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2017
V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Trọn
2. Bà Võ Thị Hồng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 663/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Tranh chấp về ly hôn của nam nữ chung sống nhưng không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2017/QĐST-HN ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị P, sinh năm 1977
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ô5/158, Khu phố TB A, Thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày: Chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chưa có con chung và anh chị tạo lập được một căn nhà tường một mái ngang 5,4m dài 16m cất trên phần đất của cha mẹ ruột chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên không nợ ai.

Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 11/2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M không có trách nhiệm, không đi làm để lo cho cuộc sống gia đình mà còn đam mê cờ bạc, đá gà chị có khuyên nhủ nhiều lần mà anh không thay

đổi, thậm chí chị phải trả nợ nhiều lần cho anh M. Do đó chị không thể nào tiếp tục chung sống với anh M nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa chị P đồng ý giao lại cho anh M 20.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lê Văn M trình bày: Anh chị bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn. Về tài sản chung, ngoài căn nhà mà chị P trình bày còn có thêm 01 chiếc Wave biển số 70F8 – 4148 anh không biết ai đứng tên giấy đăng ký vì mua chưa sang tên; 01 chiếc Arlade biển số 70 – 22506 do Vương Văn Trang (con ruột của chị P) đứng tên và tiền mặt 20.000.000 đồng, tuy nhiên anh chị không nợ ai. Chị P yêu cầu ly hôn anh không đồng ý mà yêu cầu được đoàn tụ vì anh cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn gì. Trường hợp ly hôn:

Về con chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tổng cộng giá trị tài sản nêu trên là 400.000.000 đồng, anh yêu cầu chia đôi mỗi người 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh yêu cầu chị P giao lại cho anh số tiền mà mẹ anh cho anh là 20.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P với anh M, con chung và nợ chung không có nên không giải quyết, tài sản ghi nhận chị P không yêu cầu chia, riêng đối với yêu cầu chia tài sản của anh M do anh không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét giải quyết. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị tại phiên tòa đối với số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị P và anh M tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng năm 2005 đến năm 2010, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Nay chị P có yêu cầu ly hôn, anh M không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó không đánh giá mức độ mâu thuẫn giữa anh với chị mà xem xét cho hay không cho ly hôn mà căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh M.

[2] Về con chung và nợ chung: Chị P và anh M khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị P không yêu cầu giải quyết, anh M có yêu cầu chia tài sản gồm: một căn nhà tường một mái ngang 5,4m dài 16m tọa lạc Ô5/158, Khu phố TB A, Thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN; 01 chiếc Wave biển số 70F8 – 4148; 01 chiếc Arlade biển số 70 – 22506 do Vương Văn Trang đứng tên và tiền mặt 20.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình tố tụng Tòa án đã ra Thông báo cho anh nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh không nộp. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa anh M và chị P tự thỏa thuận với nhau, chị P đồng ý giao cho anh M 20.000.000 đồng và cả hai đều yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét thấy, sự tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị P với anh Lê Văn M.

2. Về con chung và nợ chung: Chị P và anh M khai không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh M không yêu cầu giải quyết.

Ghi nhận chị P đồng ý giao lại cho anh M số tiền 20.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012735 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Ghi nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui